



VILAS 679 – VILAS MED 123



ISO
9001:2015
CERTIFIED

VIMCERTS 058

391TN - TDC

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

Số.....507...../XN - SKNN&MT

- | | |
|---|--|
| 1. Tên mẫu/Name of sample | Nước thải đã qua hệ thống xử lý cũ, lấy tại bể tập trung số 1 |
| 2. Tên/địa chỉ khách hàng
Name/Address of customer | Bệnh viện Nhi trung ương
18/879 La thành, Đống Đa, Hà Nội |
| 3. Mô tả mẫu/Description | Địa điểm lấy mẫu: Bệnh viện Nhi trung ương.
Thể tích: 1,5 lít/mẫu; Bảo quản điều kiện thường. |
| 4. Ngày lấy mẫu/Date of sampling | 26/07/2022 |
| 5. Người lấy/gửi mẫu/Sampler | Cán bộ Viện SKNN&MT |
| 6. Kết quả thử nghiệm/Test result | |

TT No.	Tên chỉ tiêu Parameter	Kết quả Result	Đơn vị Unit	Giá trị C*** Regular limit	Phương pháp thử Test method
1.	pH(***)	7,84	-	6,5-8,5	TCVN 6492:2011
2.	BOD ₅ (20°C)(***)	18,8	mg/L	50	SMEWW 5210B: 2017
3.	COD(***)	32,0	mg/L	100	SMEWW 5220C: 2017
4.	Chất rắn lơ lửng(***)	<3	mg/L	100	TCVN 6625: 2000
5.	Amoni (tính theo N)(***)	1,68	mg/L	10	TCVN 5988: 1995
6.	Nitrat (tính theo N)(**)	3,13	mg/L	50	TCVN 7323-2:2004
7.	Photphat (tính theo P)(***)	6,67	mg/L	10	SMEWW 4500 P,E:2017
8.	Sunfua (tính theo H ₂ S)(**)	<0,03	mg/L	4	SMEWW 4500-S ² -B,D:2017
9.	Dầu mỡ động thực vật(***)	1,60	mg/L	20	US EPA Method 1664

Ghi chú: ***: Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia QCVN 28:2010/BTNMT, cột B về nước thải y tế.

(-): Không có đơn vị.

Hà Nội, ngày 07 tháng 7 năm 2022

**BỘ PHẬN PHÂN TÍCH
LAB.**

**KHOA XÉT NGHIỆM VÀ PHÂN TÍCH
MEDICAL TESTING & ENVIRONMENTAL
ANALYSIS DEPARTMENT
PHÓ TRƯỞNG KHOA
VICE HEAD OF DEPARTMENT**

**VIỆN SỨC KHỎE
NGHỀ NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
NATIONAL INSTITUTE OF OCCUPATIONAL
AND ENVIRONMENTAL HEALTH
PHÓ VIỆN TRƯỞNG
VICE DIRECTOR**

Võ Thị Minh Anh

Tạ Thị Bình



Lê Thái Hà

- *: Phép thử đã được BOA công nhận/Accredited test by BOA
- ***: Phép thử đã được chứng nhận Vimcert/ Vimcert test certified by MONRE
- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/Test result are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Viện Sức khỏe nghề nghiệp và môi trường/
The test report must not be reproduced without the written approval of NIOEH.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



VILAS 679 – VILAS MED 123



ISO
9001:2015
CERTIFIED

VIMCERTS 058

391TN - TBC

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT
Số. 518/XN - SKNN&MT

1. Tên mẫu/Name of sample WW5-N: Nước tại bể tập trung 1
2. Tên/địa chỉ khách hàng
Name/Address of customer Bệnh viện Nhi Trung Ương
18/879 La Thành, Đống Đa, Hà Nội
Địa điểm lấy mẫu: Bệnh viện Nhi Trung Ương
3. Mô tả mẫu/Description Thể tích: 1,5 lít; Bảo quản điều kiện thường
4. Ngày lấy mẫu/Date of sampling 26/7/2022
5. Người lấy/gửi mẫu/Sampler Cán bộ Viện SKNN&MT
6. Kết quả thử nghiệm/Test result

TT No.	Tên chỉ tiêu Parameter	Kết quả Result	Đơn vị Unit	Giá trị C*** Regular limit		Phương pháp thử Test method
				A	B	
1	Coliforms (***)	4,3 x 10 ²	MPN/100mL	3000	5000	TCVN 6187 - 2 : 2009
2	Salmonella (**)	KPH	CFU/100mL	KPH	KPH	SMEWW 9260B : 2017
3	Shigella (**)	KPH	CFU/100mL	KPH	KPH	SMEWW 9260E : 2017
4	Vibrio Cholera (**)	KPH	CFU/100mL	KPH	KPH	SMEWW 9260H : 2017

Ghi chú/Note: *: Giá trị tối đa cho phép theo Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia QCVN 28:2010/BTNMT.**

- Cột A quy định giá trị C của các thông số và các chất gây ô nhiễm làm cơ sở tính toán giá trị tối đa cho phép trong nước thải y tế khi thải vào các nguồn nước được dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt.
 - Cột B quy định giá trị C của các thông số và các chất gây ô nhiễm làm cơ sở tính toán giá trị tối đa cho phép trong nước thải y tế khi thải vào các nguồn nước không dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt.
- KPH: Không phát hiện.

Hà Nội, ngày 10 tháng 8 năm 2022

BỘ PHẬN PHÂN TÍCH
MICROBIOLOGY LAB.

KHOA XÉT NGHIỆM VÀ PHÂN TÍCH
MEDICAL TESTING & ENVIRONMENTAL
ANALYSIS DEPARTMENT
PHÓ TRƯỞNG KHOA
VICE HEAD OF DEPARTMENT

VIỆN SỨC KHỎE
NGHỀ NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
NATIONAL INSTITUTE OF OCCUPATIONAL
AND ENVIRONMENTAL HEALTH
PHÓ VIỆN TRƯỞNG
VICE DIRECTOR

Nguyễn Thị Quỳnh Mai

Đàm Thương Thương



Lê Thái Hà

- *: Phép thử đã được BoA công nhận/Accredited test by BoA
- **: Phép thử đã được chứng nhận Vimcert/ Vimcert test certified by MONRE
- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/Test result are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Viện Sức khỏe nghề nghiệp và môi trường/
The test report must not be reproduced without the written approval of NIOEH.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
- Phiếu kết quả này được làm thành 02 bản: 01 bản trả cho khách hàng, 01 bản lưu tại Khoa/
The test result are printed in 02 documents; 01 document is given to customer; 01 document is stored at Faculty



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

- Tên mẫu : Mẫu nước bệnh viện Nhi Trung ương
Name of sample
- Mô tả mẫu: Mẫu được đựng trong chai nhựa, có ký hiệu tên mẫu và tem
Description
- Số lượng mẫu: 01 mẫu (Thể tích 1.5 l/mẫu)
Quantity
- Ngày nhận mẫu: 26/07/2022
Date of receiving
- Nơi gửi mẫu: Trung tâm DVKHKTSK&MT, Viện Sức khỏe nghề nghiệp và Môi trường
Customer
Địa chỉ: Đ/c: Số 57 Lê Quý Đôn, Hai Bà Trưng, Hà Nội
- Kết quả thử nghiệm: Test result

TT	Tên mẫu	Đơn vị	Chỉ tiêu phân tích			
			Tổng hoạt độ α	Sai số	Tổng hoạt độ β	Sai số
6.1	WW5-N	Bq/L	0.045	0.008	0.135	0.012
		pCi/L	1.212	0.205	3.654	0.329

Ghi chú:

- Phương pháp phân tích: TCVN 8879-2011 - Chất lượng nước - Đo tổng hoạt độ phóng xạ alpha, beta trong nước không mặn
- Giới hạn phát hiện của phương pháp (LOD): Đối với alpha 0,002 Bq/L; Beta 0,006 Bq/L
- Kí hiệu mẫu:
- WW5-N: Nước tại bể tập trung 1

NGƯỜI KIỂM TRA
(QM)

Dương Văn Thắng

Hà Nội, ngày 12 tháng 08 năm 2022
VIỆN TRƯỞNG



Phạm Đức Khuê



VILAS 679 – VILAS MED 123



VIMCERTS 058

391TN - TĐC

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Số.....508...../XN - SKNN&MT

- Tên mẫu/Name of sample: Nước thải đã qua hệ thống xử lý mới, lấy tại bể tập trung số 2. (6)
- Tên/địa chỉ khách hàng/Name/Address of customer: Bệnh viện Nhi trung ương
18/879 La thành, Đống Đa, Hà Nội
- Mô tả mẫu/Description: Địa điểm lấy mẫu: Bệnh viện Nhi trung ương.
Thể tích: 1,5 lít/mẫu; Bảo quản điều kiện thường.
- Ngày lấy mẫu/Date of sampling: 26/07/2022
- Người lấy/gửi mẫu/Sampler: Cán bộ Viện SKNN&MT
- Kết quả thử nghiệm/Test result

TT No.	Tên chỉ tiêu Parameter	Kết quả Result	Đơn vị Unit	Giá trị C*** Regular limit	Phương pháp thử Test method
1.	pH ^(*) (**)	8,01	-	6,5-8,5	TCVN 6492:2011
2.	BOD ₅ (20°C) ^(*) (**)	18,5	mg/L	50	SMEWW 5210B: 2017
3.	COD ^(*) (**)	32,0	mg/L	100	SMEWW 5220C: 2017
4.	Chất rắn lơ lửng ^(*) (**)	<3	mg/L	100	TCVN 6625: 2000
5.	Amoni (tính theo N) ^(*) (**)	0,56	mg/L	10	TCVN 5988: 1995
6.	Nitrat (tính theo N) ^(**)	1,27	mg/L	50	TCVN 7323-2:2004
7.	Photphat (tính theo P) ^(*) (**)	3,75	mg/L	10	SMEWW 4500 P,E:2017
8.	Sunfua (tính theo H ₂ S) ^(**)	<0,03	mg/L	4	SMEWW 4500-S ² - B,D:2017
9.	Dầu mỡ động thực vật ^(*) (**)	1,25	mg/L	20	US EPA Method 1664

Ghi chú: ***: Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia QCVN 28:2010/BTNMT, cột B về nước thải y tế.

(-): Không có đơn vị.

BỘ PHẬN PHÂN TÍCH
LAB.

KHOA XÉT NGHIỆM VÀ PHÂN TÍCH
MEDICAL TESTING & ENVIRONMENTAL
ANALYSIS DEPARTMENT
PHÓ TRƯỞNG KHOA
VICE HEAD OF DEPARTMENT

Hà Nội, ngày 7 tháng 8 năm 2022
VIỆN SỨC KHỎE
NGHỀ NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
NATIONAL INSTITUTE OF OCCUPATIONAL
AND ENVIRONMENTAL HEALTH

PHÓ VIỆN TRƯỞNG
VICE DIRECTOR

Võ Thị Minh Anh

Tạ Thị Bình



★ Lê Thái Hà

- *: Phép thử đã được BOA công nhận/Accredited test by BOA
- ***: Phép thử đã được chứng nhận Vimcert/ Vimcert test certified by MONRE
- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/Test result are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Viện Sức khỏe nghề nghiệp và môi trường/ The test report must not be reproduced without the written approval of NIOEH.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT
Số 511/XN - SKNN&MT

- Tên mẫu/Name of sample: WW6-N: Nước tại bể tập trung 2
- Tên/địa chỉ khách hàng/Name/Address of customer: Bệnh viện Nhi Trung Ương
18/879 La Thành, Đống Đa, Hà Nội
Địa điểm lấy mẫu: Bệnh viện Nhi Trung Ương
- Mô tả mẫu/Description: Thể tích: 1,5 lít; Bảo quản điều kiện thường
- Ngày lấy mẫu/Date of sampling: 26/7/2022
- Người lấy/gửi mẫu/Sampler: Cán bộ Viện SKNN&MT
- Kết quả thử nghiệm/Test result

TT No.	Tên chỉ tiêu Parameter	Kết quả Result	Đơn vị Unit	Giá trị C*** Regular limit		Phương pháp thử Test method
				A	B	
1	Coliforms (**)	9,3 x 10 ²	MPN/100mL	3000	5000	TCVN 6187 - 2 : 2009
2	Salmonella (**)	KPH	CFU/100mL	KPH	KPH	SMEWW 9260B : 2017
3	Shigella (**)	KPH	CFU/100mL	KPH	KPH	SMEWW 9260E : 2017
4	Vibrio Cholera (**)	KPH	CFU/100mL	KPH	KPH	SMEWW 9260H : 2017

Ghi chú/Note: ***: Giá trị tối đa cho phép theo Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia QCVN 28:2010/BTNMT.

- Cột A quy định giá trị C của các thông số và các chất gây ô nhiễm làm cơ sở tính toán giá trị tối đa cho phép trong nước thải y tế khi thải vào các nguồn nước được dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt.
 - Cột B quy định giá trị C của các thông số và các chất gây ô nhiễm làm cơ sở tính toán giá trị tối đa cho phép trong nước thải y tế khi thải vào các nguồn nước không dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt.
- KPH: Không phát hiện.

Hà Nội, ngày 10 tháng 8 năm 2022

BỘ PHẬN PHÂN TÍCH
MICROBIOLOGY LAB.

KHOA XÉT NGHIỆM VÀ PHÂN TÍCH
MEDICAL TESTING & ENVIRONMENTAL
ANALYSIS DEPARTMENT
PHÓ TRƯỞNG KHOA
VICE HEAD OF DEPARTMENT

VIỆN SỨC KHỎE
NGHỀ NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
NATIONAL INSTITUTE OF OCCUPATIONAL
AND ENVIRONMENTAL HEALTH
PHÓ VIỆN TRƯỞNG
VICE DIRECTOR



Nguyễn Thị Quỳnh Mai



Đàm Thương Thương



Lê Thái Hà

- *: Phép thử đã được BoA công nhận/Accredited test by BoA
- **: Phép thử đã được chứng nhận Vincert/ Vincert test certified by MONRE
- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/Test result are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Viện Sức khỏe nghề nghiệp và môi trường/ The test report must not be reproduced without the written approval of NIOEH.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
- Phiếu kết quả này được làm thành 02 bản: 01 bản trả cho khách hàng, 01 bản lưu tại Khoa/ The test result are printed in 02 documents: 01 document is given to customer; 01 document is stored at Faculty



VIỆN KHOA HỌC VÀ KỸ THUẬT HẠT NHÂN
TRUNG TÂM QUAN TRẮC PHÓNG XẠ VÀ ĐÁNH
GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG

Địa chỉ: Số 179, Hoàng Quốc Việt, Cầu Giấy, Hà Nội
Tel: 84-4-37564926, Fax.: 84-4-38363295
Email: Quantracphongxamoitruong@gmail.com;
<http://www.inst.gov.vn/>



VILAS 1057

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

- Tên mẫu : Mẫu nước bệnh viện Nhi Trung ương
Name of sample
- Mô tả mẫu: Mẫu được đựng trong chai nhựa, có ký hiệu tên mẫu và tem
Description
- Số lượng mẫu: 01 mẫu (Thể tích 1.5 l/mẫu)
Quantity
- Ngày nhận mẫu: 26/07/2022
Date of receiving
- Nơi gửi mẫu: Trung tâm DVKHKTSK&MT, Viện Sức khỏe nghề nghiệp và Môi trường
Customer
Địa chỉ: Đ/c: Số 57 Lê Quý Đôn, Hai Bà Trưng, Hà Nội
- Kết quả thử nghiệm: Test result

TT	Tên mẫu	Đơn vị	Chỉ tiêu phân tích			
			Tổng hoạt độ α	Sai số	Tổng hoạt độ β	Sai số
6.1	WW6-N	Bq/L	0.051	0.010	0.188	0.017
		pCi/L	1.373	0.261	5.068	0.463

Ghi chú:

- Phương pháp phân tích: TCVN 8879-2011 - Chất lượng nước - Đo tổng hoạt độ phóng xạ alpha, beta trong nước không mặn
- Giới hạn phát hiện của phương pháp (LOD): Đối với alpha 0,002 Bq/L; Beta 0,006 Bq/L
- Kí hiệu mẫu:
- WW6-N: Nước tại bể tập trung 2

NGƯỜI KIỂM TRA
(QM)

Dương Văn Thắng

Hà Nội, ngày 12 tháng 08 năm 2022
VIỆN TRƯỞNG



Phạm Đức Khuê